

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 249/2022/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 7 năm 2022
V/v “Tranh chấp Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Thanh Hiện**

2/ Ông **Huỳnh Văn Năm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh N Muội** - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đồng Tình** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 260/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Tổ N**, sinh năm 1968 (Có mặt), trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1965 (Có mặt), trú: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Huỳnh Tổ N trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần Văn S chung sống với nhau từ năm 1991, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Trong cuộc sống do bất đồng ý kiến, dẫn đến vợ chồng cãi nhau và làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông S.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Tổ Lan, sinh năm 1997 (giới tính nữ) và Trần Tổ Ngân, sinh năm 2003 (giới tính nữ). Các cháu đã trưởng thành, không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông **Trần Văn S** trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất ký kiến trình bày của bà N. Ông và bà N chung sống với nhau từ năm 1991, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, bà N yêu cầu ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Thống nhất ký kiến trình bày của bà N. Ông và bà N có 02 người con chung tên Trần Tố Lan, sinh năm 1997 (giới tính nữ) và Trần Tố Ngân, sinh năm 2003 (giới tính nữ). Các cháu đã trưởng thành, không có yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

2/ Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của bà N.

Về hôn nhân: Không công nhận bà N và ông S là vợ chồng.

Về con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Trường hợp, có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Được xác định là “Tranh chấp về Ly hôn”; Các đương sự có nơi cư trú tại ấp Mũi Tràm B, xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bà N và ông S chung sống với nhau từ năm 1991, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân đã vi phạm về hình thức. Nay, bà N và ông S thống nhất chấm dứt quan hệ hôn nhân, do có mâu thuẫn

và mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời hôn nhân giữa bà N và ông S có vi phạm về hình thức. Từ đó, căn cứ các điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp, chấp nhận khởi kiện của bà N, không công nhận bà N và ông S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Do, cháu Trần Tô Lan, sinh năm 1997 (giới tính nữ) và cháu Trần Tô Ngân, sinh năm 2003 (giới tính nữ) đã trưởng thành, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại lai 4763 ngày 06/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và bà N nộp xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; các điều 235, 273, 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 9, 14, 15, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Tố N và ông Trần Văn S là vợ chồng.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Trường hợp, có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí: Buộc bà Huỳnh Tố N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng, đối trừ số tiền 300.000 đồng dự nộp tại lai 4763 ngày 06/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và bà N nộp xong.

5/ Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Tố N và ông Trần Văn S được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6/ “Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lâm Thành Quang